

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA VII (NHIỆM KỲ 2001-
2005) TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VIII
(NHIỆM KỲ 2005-2010)**

Thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, với tinh thần thẳng thắn, khách quan, khoa học và cách mạng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2005-2010 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA VII**

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa VII, bên cạnh những thuận lợi, Tây Ninh bị tác động không nhỏ do tình hình thế giới, khu vực và trong nước có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; nhưng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Tây Ninh đã đạt được những thành tựu rất quan trọng.

I- THÀNH TỰU

1- Nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng với tốc độ cao, phát triển tương đối toàn diện, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân hằng năm 14%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết và là mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay. Năm 2005, GDP bình quân đầu người 9,6 triệu đồng (tương đương 600 USD). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng khu vực kinh tế Nhà nước trong GDP giảm từ 27,4% xuống còn 24,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 8,5% lên 16,6%.

+ Nông nghiệp được tổ chức sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa; từng bước ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ và chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo yêu cầu thị trường và điều kiện thổ nhưỡng; có sự liên kết giữa công nghiệp - nông nghiệp -

dịch vụ trên từng địa bàn. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,16%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Ngành trồng trọt tập trung phát triển các cây trồng phục vụ cho công nghiệp chế biến, các cây có giá trị kinh tế cao; diện tích, năng suất và sản lượng hầu hết các cây trồng chính đều tăng đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Riêng diện tích cây lúa giảm, nhưng sản lượng tăng bình quân 2%/năm; đến năm 2005, bình quân lúa đầu người đạt 553 kg, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Ngành chăn nuôi bước đầu phát triển đa dạng hơn. Các dự án bò sữa, cải tạo đàn bò hướng Zêbu và hướng thịt, heo hướng nạc đã góp phần đẩy nhanh phát triển chăn nuôi. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân hằng năm 15,3% và năm 2005 chiếm 10,4% giá trị sản xuất nông nghiệp. Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản tiếp tục phát triển, tăng bình quân hằng năm 12%.

Xây dựng được hệ thống tổ chức, cơ sở vật chất và liên kết với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học... để thường xuyên cập nhật các giống cây trồng, vật nuôi mới. Công tác thú y, bảo vệ thực vật, khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, kiểm dịch thực vật được quan tâm. Kinh tế trang trại phát triển khá mạnh và đa dạng, tính đến cuối năm 2004 toàn tỉnh có 2.252 trang trại.

Công tác bảo vệ, phát triển rừng được quan tâm. Diện tích rừng trồng mới tăng bình quân hằng năm 12,8%, diện tích đất có rừng tăng bình quân 1,8%; đến năm 2005 độ che phủ tự nhiên đạt 35,2%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Công tác thủy lợi đảm bảo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp; thu thủy lợi phí tăng bình quân hằng năm 5,25%. Xây dựng mới và kiên cố hóa một số công trình làm tăng năng lực tưới tự chảy đạt khoảng 65.000 ha, vượt chỉ tiêu Nghị quyết; xây dựng một số tuyến đê bao cục bộ ven sông Vàm Cỏ Đông bước đầu có hiệu quả. Đầu tư khai hoang, phục hóa, tháo úng, tạo nguồn được đẩy mạnh, đã giảm đáng kể diện tích đất hoang hóa.

Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép giảm dần. Năm 2005, có khoảng 85% rác thải ở thị xã, thị trấn, 100% rác thải y tế được thu gom, xử lý.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ đời sống nông dân phát triển nhanh; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được quan tâm đầu tư, nhất là về đường giao thông, điện, điện thoại, giáo dục, y tế... đã làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi nhanh chóng, đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt.

+ Sản xuất công nghiệp được tập trung đầu tư; các cơ sở mới có trang thiết bị và trình độ công nghệ tiên tiến hơn; lực lượng công nhân, lao động được qua đào tạo

ngày càng tăng. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 17,85%, tăng cao nhất là khu vực dân doanh (27,9%), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,8%; tỷ trọng khu vực dân doanh tăng từ 24,4% lên 36,7%, khu vực Nhà nước giảm từ 27,5% xuống còn 15,3%. Hình thành được các khu, cụm công nghiệp tập trung và phát triển các cơ sở ở vùng nguyên liệu, vùng nông thôn; có thêm nhiều mặt hàng mới. Sản xuất tiểu - thủ công nghiệp phát triển; khôi phục một số làng nghề truyền thống.

Công nghiệp chế biến nông sản phát triển mạnh, đủ sức chế biến hết sản lượng một số nông sản chính. Hiện có 3 nhà máy chế biến mía đường với tổng công suất 12.500 tấn mía cây/ngày, mỗi vụ chế biến khoảng 1,2 triệu tấn mía cây; 12 nhà máy công nghiệp chế biến khoai mì với tổng công suất 820 tấn bột/ngày, gần 80 cơ sở có quy mô nhỏ với tổng công suất 300 tấn bột/ngày; 13 nhà máy chế biến mủ cao su với công suất 38.110 tấn mủ/năm; chế biến hạt điều đạt công suất 16.000 tấn/năm.

+ Các ngành dịch vụ đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh và đời sống dân cư. Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân hằng năm 17,88%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Một số lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng nhanh, chất lượng dịch vụ nâng lên đáng kể, thu hút nhiều lao động.

Hoạt động thương mại bảo đảm luân chuyển hàng hóa thông suốt. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân hằng năm 12,4%; khu vực dân doanh phát triển nhanh, chiếm trên 90% tổng mức bán ra. Các điểm du lịch được đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng phục vụ, lượng du khách đến ngày càng tăng.

Dịch vụ bưu chính - viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại, mật độ điện thoại đạt 17,7 máy/100 dân, vượt chỉ tiêu Nghị quyết; 9/9 huyện, thị được phủ sóng điện thoại di động. Mạng Internet phát triển khá nhanh, hiện có khoảng 4.000 thuê bao.

Dịch vụ vận tải đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại. Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng bình quân hằng năm 9,3% và luân chuyển hành khách tăng bình quân 14,9%. Việc thay mới các phương tiện vận tải theo quy định khá tốt; liên kết với thành phố Hồ Chí Minh triển khai các tuyến xe buýt có hiệu quả.

+ Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước và vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Thị trường xuất khẩu được củng cố và mở rộng; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hằng năm 33,4%. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực là bột mì, hạt điều, cao su; hàng dệt may tăng mạnh.

Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hằng năm 36,4%. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là mủ và gỗ cao su, nguyên liệu sản xuất và gia công hàng dệt may, giày dép, máy móc, thiết bị...

+ Tỉnh có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư và kết cấu hạ tầng kỹ thuật để thu hút vốn đầu tư. Giai đoạn 2001 - 2005 có 98 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký 211,2 triệu USD, 38 dự án tăng vốn 53,8 triệu USD; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng bình quân hằng năm 33,6%. Đến nay có 116 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký 439 triệu USD. Riêng khu công nghiệp Trảng Bàng đã lấp đầy 100% bước 1 giai đoạn I, 50% cụm liên doanh, 24% cụm Linh Trung 3.

Về đầu tư trong nước, cấp mới trên 1.000 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng số vốn điều lệ trên 1.200 tỷ đồng; đã có 82 dự án đăng ký thực hiện với vốn đầu tư trên 9.000 tỷ đồng. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân và của dân tăng bình quân hằng năm 33,3%, của doanh nghiệp Nhà nước tăng 19,4%.

Khu vực kinh tế Nhà nước được sắp xếp, tổ chức lại; đổi mới cơ chế quản lý, được tăng thêm vốn và cơ sở vật chất, sản xuất kinh doanh có hiệu quả; trong đó, cổ phần hoá 20 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp. Về kinh tế tập thể, đến nay có 5.000 tổ hợp tác và 80 hợp tác xã trên các lĩnh vực; nhiều hợp tác xã, nhất là quỹ tín dụng nhân dân hoạt động có hiệu quả và có xu hướng phát triển.

Chương trình hợp tác giữa Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhất là trong việc thu hút vốn đầu tư, hỗ trợ xây dựng một số tuyến đường giao thông, xây dựng nhà tình thương, các công trình công ích và hoạt động xã hội - từ thiện...

+ Năm năm qua đã huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 13.122 tỷ đồng, đạt 38,5% GDP, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Cơ cấu đầu tư chuyển dịch đúng hướng, khu vực kinh tế dân doanh và nước ngoài chiếm 71,8% tổng vốn đầu tư.

Nguồn vốn trong tỉnh được khai thác tốt hơn, đầu tư từ khu vực tư nhân tăng lên mạnh mẽ; nguồn vốn của Trung ương đầu tư trên địa bàn và nguồn vốn ODA, FDI, AFD góp phần rất quan trọng cho việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch; thu hút vốn đầu tư nước ngoài và ngoài tỉnh đạt 850 triệu USD, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Đầu tư từ các nguồn vốn 5 năm đã đạt được kết quả quan trọng:

Đã nâng cấp và làm mới 3.000 km đường giao thông các loại, 93/95 xã có đường nhựa tới trung tâm xã; xây dựng 700 mét cầu bê tông cốt thép; hoàn thành kênh tưới Tân Hưng, hệ thống tưới tự chảy vùng nguyên liệu mía đường Tân Châu, 5 trạm bơm, kiên cố hóa 200 km kênh thủy lợi; xây dựng trên 500 km đường điện trung

thể và hạ thế, điện khí hóa nông thôn được 21/95 xã; tăng công suất cung cấp nước đô thị, khu công nghiệp lên 9.000 m/ngày; xây dựng trên 1.000 phòng học; hoàn thành cơ sở vật chất trường Cao đẳng Sư phạm; Thư viện tỉnh; ký túc xá sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh; nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh; xây dựng mới nhiều trụ sở làm việc, tôn tạo các di tích lịch sử... Các thị trấn được nâng cấp ngày càng khang trang hơn. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa VII) về xây dựng và phát triển Thị xã, từ năm 2003 đến nay đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được đẩy mạnh đã làm thay đổi bộ mặt Thị xã. Đầu tư từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng rừng, hỗ trợ phát triển 20 xã biên giới làm thay đổi đáng kể tình hình các mặt ở vùng nông thôn, biên giới.

+ Hoạt động tài chính ngày càng được cải thiện; thu, chi ngân sách năm sau cao hơn năm trước; khắc phục được tình trạng dón thu vào cuối năm. Tổng thu ngân sách năm 2005 đạt 1.107 tỷ đồng; các nguồn thu từ sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng và vững chắc hơn; từ năm 2004 đã có điều tiết về Trung ương và có 4/9 huyện, 55/95 xã cân đối được ngân sách. Huy động từ GDP vào ngân sách năm 2005 đạt 10,9%, tốc độ tăng thu ngân sách hằng năm 17,7%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Chi đầu tư xây dựng cơ bản chiếm 30,5% tổng chi ngân sách địa phương, đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Phân cấp thu chi ngân sách các cấp rõ và ổn định hơn, tính chủ động của các cấp ngân sách tăng lên.

Mạng lưới ngân hàng đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn huy động tăng bình quân hằng năm 26%, dư nợ cho vay tăng bình quân 29%. Cơ cấu dư nợ phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hỗ trợ tích cực cho các chương trình phát triển xã hội.

2- Lĩnh vực khoa giáo, văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt mức kế hoạch, xã hội hóa trên một số mặt được mở rộng; đời sống nhân dân ổn định, chất lượng cuộc sống được nâng lên; từng bước thực hiện mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Có nhiều chương trình, biện pháp tạo ra việc làm cho người lao động; bình quân hằng năm giải quyết việc làm cho 18.420 lao động và xuất khẩu 580 lao động. Cơ cấu lao động chuyển dịch nhanh theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động nông **ng nghiệp; thời gian lao động ở nông thôn đạt 80%; tỷ lệ thất nghiệp thành thị còn 4,5%**. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và dạy nghề đạt chỉ tiêu Nghị quyết (23,12%).

Bằng nhiều nguồn vốn, *công tác xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa* được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của địa phương còn dưới 3%, theo tiêu chuẩn Trung ương còn dưới 1% (theo tiêu chuẩn mới còn 7,23%). Từ năm 2003 đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng

chính sách; năm 2005 cơ bản xóa nhà dột nát, nhà tạm cho hộ nghèo. Chương trình tôn hoa đã giúp hàng ngàn hộ nghèo ổn định nhà ở. Đã có 95% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia, 65% số hộ nông thôn dùng nước sạch, hợp vệ sinh, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Đầu tư cho giáo dục - đào tạo giai đoạn 2001 - 2005 chiếm 24,5% tổng chi ngân sách; cơ sở vật chất được tăng cường, chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên; đã có 32 trường đạt chuẩn quốc gia. Huy động trẻ em 6 tuổi ra lớp hàng năm đạt 98 - 99%; duy trì kết quả chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở được triển khai tích cực, đã có 4/9 huyện, thị, 13/13 phường, thị trấn và 61 xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Xã hội hóa giáo dục được chú trọng, ngoài hệ công lập, các bậc học đều có trường dân lập, bán công và tư thục. Hoạt động khuyến học được quan tâm, bước đầu hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động *khoa học - công nghệ* tập trung nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường... Đến cuối năm 2004 có 49 đề tài, dự án được triển khai thực hiện; nhiều đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao và thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đề án tin học hóa quản lý Nhà nước được triển khai; website của tỉnh được đưa lên mạng Internet bước đầu góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và kêu gọi đầu tư.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Các dịch bệnh được ngăn chặn kịp thời; các chương trình y tế quốc gia, hoạt động hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, gia đình chính sách, đồng bào vùng sâu, dân tộc thiểu số đạt kết quả cao; cơ bản đã xóa mù loà cho người mù nghèo. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Có 69,5% (66/95) xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế và 100% trạm y tế xã có bác sĩ phục vụ; bình quân đạt 5 bác sĩ/ vạn dân. Mạng lưới y học cổ truyền được phát triển, kết hợp chặt chẽ giữa Đông y và Tây y. Cơ sở y tế tư nhân phát triển đều khắp, một số cơ sở có trang thiết bị khá hiện đại.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được chú trọng. Tỷ lệ tăng dân số được kéo giảm một cách ổn định, bình quân hằng năm giảm 0,04%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,3%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn 24,4%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao phong phú về nội dung, hình thức và phát triển theo hướng xã hội hóa. Các cơ quan văn hoá - nghệ thuật, thông tin đại chúng được đầu tư khá nhiều trang thiết bị mới; cơ bản đã phủ sóng phát thanh, truyền hình

toàn tỉnh. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng; đến nay đã có 55,5% ấp (khu phố) đạt chuẩn văn hóa, 81% xã (phường, thị trấn) có nhà văn hóa; 88% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử; sưu tầm và phát huy nền văn hóa của các dân tộc thiểu số được quan tâm. Phong trào thể dục - thể thao quần chúng phát triển nhanh, thể thao thành tích cao đạt kết quả nhất định; có 16,8% dân số thường xuyên luyện tập thể dục - thể thao, số trường học đảm bảo công tác giáo dục thể chất có nền nếp chiếm 85%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

3- Tổ chức thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược an ninh quốc gia và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm có hiệu quả. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được tăng cường; an ninh chính trị ổn định, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Công tác đối ngoại được mở rộng. Cải cách tư pháp và hoạt động thanh tra có tiến bộ.

Công tác quốc phòng, an ninh được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Đã tổng kết 15 năm xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc và triển khai thực hiện một số chương trình, dự án xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ giai đoạn 2003 - 2010, qua đó đã nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về công tác quốc phòng, tăng cường thế trận quốc phòng, an ninh trên các địa bàn trọng điểm. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ các ngành, các cấp đạt kết quả. Công tác tuyển quân, huấn luyện, tổ chức diễn tập các cấp đạt yêu cầu. Công tác dân vận của lực lượng vũ trang được duy trì thường xuyên và có kết quả thiết thực. Tổ chức tốt việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ Campuchia về nước.

Thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, Chương trình mục tiêu "4 giảm" của tỉnh đạt kết quả tốt; từng bước nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trách nhiệm đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội. Triển khai nhiều biện pháp quyết liệt để tăng cường quản lý Nhà nước, triệt phá nhiều băng, nhóm tội phạm nguy hiểm, tội phạm có tổ chức; kiềm chế và kéo giảm một số loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội.

Tổ chức bộ máy công an, quân sự, biên phòng được sắp xếp phù hợp hơn; đội ngũ cán bộ, chiến sĩ từng bước được nâng cao phẩm chất và năng lực.

Quan hệ hợp tác đối ngoại được duy trì thường xuyên và có hiệu quả. Các lực lượng bảo vệ biên giới phối hợp, hiệp đồng tốt hơn; quan tâm xây dựng huyện, xã biên giới vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

Công tác cải cách tư pháp có chuyển biến tích cực; các cơ quan tư pháp từng bước được củng cố, đội ngũ cán bộ tư pháp được tăng cường, phẩm chất và năng lực

được nâng lên. **Chất lượng công tác điều tra, truy tố**, xét xử có tiến bộ; hạn chế các trường hợp oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Công tác thanh tra, kiểm tra, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác tuyên truyền pháp luật được quan tâm. Nhiều cơ quan, đơn vị thực hành tiết kiệm có kết quả. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến; những vụ việc phức tạp, khiếu kiện đông người được quan tâm giải quyết. Toàn ngành Thanh tra thực hiện 507 cuộc thanh tra; phát hiện 132 vụ vi phạm chế độ, chính sách và vi phạm pháp luật; xử lý 109 cán bộ, công chức; cơ quan điều tra khởi tố hình sự 45 vụ.

4- Hoạt động của chính quyền, Mặt trận, đoàn thể nhân dân từng bước được đổi mới; hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Khôi đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và mở rộng; quyền làm chủ của nhân dân được đảm bảo và phát huy ngày càng tốt hơn.

Bộ máy HĐND, UBND và cơ quan chính quyền các cấp thường xuyên được sắp xếp, củng cố, chất lượng hoạt động được nâng lên. Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa" ở các cấp, các ngành bước đầu đạt kết quả.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đổi mới theo hướng công khai, dân chủ, đúng luật và có thực quyền hơn. Các kỳ họp ngày càng có chất lượng, việc chất vấn và trả lời chất vấn có chiều sâu, thiết thực. Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và mặt trận, đoàn thể được thực hiện có kết quả; phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri chu đáo; hoạt động giám sát giữa 2 kỳ họp được quan tâm.

Cơ quan chính quyền các cấp được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ; thành lập thêm một số đơn vị mới theo quy định; thực hiện tinh giản biên chế có kết quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có tiến bộ đáng kể; trình độ nghiệp vụ, đạo đức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Thực hiện có kết quả bước đầu chính sách thu hút sinh viên; triển khai dự án đưa trí thức trẻ tình nguyện về công tác vùng sâu, biên giới có kết quả.

Việc khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính được quan tâm, quản lý và sử dụng kinh phí tiết kiệm hơn. Công tác công khai tài chính, giám sát chi tiêu được thực hiện thường xuyên.

Vận dụng thực hiện tốt chủ trương, chính sách công tác tôn giáo, dân tộc. Đông đảo đồng bào có đạo, đồng bào dân tộc thiểu số tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, yên tâm làm ăn sinh sống và tích cực tham gia các phong trào ở địa phương. Nhiều nơi đồng bào có đạo sống tập trung đã xây dựng được ấp, khu phố văn hóa. Tình hình

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội các khu dân cư dân tộc thiểu số ổn định, đời sống được cải thiện rõ rệt.

Các ngành chức năng thường xuyên phối hợp tham mưu cho chính quyền xem xét, giải quyết các yêu cầu chính đáng của các tôn giáo; giúp đỡ và tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đạt kết quả tốt. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" được cụ thể hóa nên nhân dân phấn khởi, tích cực tham gia vào các công việc của địa phương; tiềm lực trong dân được khai thác và xã hội hóa các lĩnh vực tốt hơn, đời sống nhân dân ổn định và được cải thiện, tình làng nghĩa xóm được thắt chặt. Việc thực hiện Quy chế dân chủ gắn với cải cách hành chính đã từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, khắc phục dần những tiêu cực, những nhiễu; việc quản lý tài chính, kinh phí của các đơn vị chặt chẽ, tiết kiệm hơn; các chế độ, chính sách được thực hiện đầy đủ, công khai, dân chủ nên nội bộ đoàn kết, người lao động phấn khởi, an tâm làm việc.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều cố gắng đổi mới phương thức và nội dung hoạt động theo hướng gần dân, tập trung cho cơ sở và tham gia giải quyết các yêu cầu thiết thực, bức xúc của nhân dân, tạo ra sự đồng thuận ngày càng cao trong cộng đồng dân cư. Phát động được nhiều phong trào thi đua yêu nước có hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Qua các phong trào đã xuất hiện nhiều gương điển hình tốt, tiêu biểu trên các lĩnh vực.

Bộ máy Mặt trận và đoàn thể các cấp thường xuyên được kiện toàn; từng bước thể hiện được vai trò cầu nối giữa Đảng và nhân dân, vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các hình thức tập hợp nhân dân đa dạng; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, mở rộng; đã tập hợp được khoảng 80% đối tượng cần tập hợp vào các tổ chức quần chúng. Việc quản lý đoàn viên, hội viên có tiến bộ; chất lượng đoàn viên, hội viên được nâng lên. Một số đoàn thể xây dựng được tổ chức cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Đội ngũ cán bộ được quan tâm bồi dưỡng, đào tạo; tham gia vào cấp ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng nhiều.

5- Năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên được nâng lên. Phương thức lãnh đạo và hoạt động của các cấp ủy từng bước đổi mới, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác giáo dục tư tưởng chính trị từng bước đổi mới về nội dung và phương thức, hiệu quả được nâng lên. Việc học tập lý luận chính trị; tổ chức quán triệt nghị quyết, chỉ thị của các cấp; học tập tư tưởng Hồ Chí Minh được tiến hành nghiêm túc

đã góp phần tăng cường sự thống nhất về nhận thức, về ý chí và hành động trong Đảng bộ; niềm tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng được củng cố và nâng lên; góp phần đấu tranh chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các **thế lực thù địch. Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị được củng cố và đổi mới hoạt động**; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên. Trong 5 năm qua đã đào tạo, bồi dưỡng 36.086 lượt cán bộ; trong đó, riêng Trường Chính trị tỉnh phối hợp với các học viện, phân viện mở các loại lớp với 7.564 học viên.

Công tác tổ chức và cán bộ có sự chuyển biến tích cực; các ngành, các cấp được thường xuyên củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả. Giải thể và thành lập mới một số tổ chức theo quy định. Tỷ lệ cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh bình quân hằng năm đạt 87,29 %, tăng 13,07 % so với nhiệm kỳ trước; số tổ chức cơ sở đảng yếu kém bình quân hằng năm 0,83 %, giảm 2,97 % so với nhiệm kỳ trước. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ được quan tâm và chất lượng được nâng lên. Việc điều động, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, luân chuyển cán bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình.

Việc đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm đi vào nền nếp, chất lượng đảng viên từng bước được nâng lên. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm, đảm bảo đúng thủ tục và chất lượng; có chú ý lực lượng trẻ, nữ, vùng biên giới, tôn giáo, dân tộc thiểu số và cán bộ khoa học - công nghệ; hiện nay tỷ lệ đảng viên so với dân số đạt 1,86%, riêng 20 xã biên giới đạt 1,06%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; đã tiến hành rà soát, xác minh, kết luận, bổ sung hồ sơ các trường hợp một cách thận trọng và chính xác.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo đạt kết quả, có tác dụng tích cực, tạo được chuyển biến trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đưa công tác tự phê bình và phê bình vào nền nếp, kịp thời giải quyết những vấn đề nổi cộm, khắc phục những sai phạm, không để tồn đọng kéo dài.

Công tác kiểm tra được chú trọng, từng bước đi vào nền nếp. Hàng năm, các cấp ủy có chương trình kiểm tra theo quy định. Hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng tiến bộ; năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ kiểm tra được nâng lên; công tác kiểm tra và xử lý đảm bảo quy trình, nguyên tắc, thủ tục; giải quyết tố cáo, khiếu nại kịp thời. Trong nhiệm kỳ đã xử lý kỷ luật 635 đảng viên, giảm 35% so với nhiệm kỳ trước; nội dung sai phạm chủ yếu là do thiếu tinh thần trách nhiệm (120 đ/c), cố ý làm trái (115 đ/c), phẩm chất lối sống (147 đ/c). Đã xử lý kỷ luật 6 tổ chức

cơ sở đảng vi phạm, giảm 45% so với nhiệm kỳ trước; trong đó có 5 tổ chức cơ sở đảng sai phạm về chấp hành nghị quyết của Đảng.

Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy từng bước được đổi mới; năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện ngày càng tốt hơn. Các cấp ủy tuân thủ nghiêm Điều lệ Đảng, chấp hành tốt nghị quyết cấp trên, hoạt động theo quy chế và có chương trình, kế hoạch cụ thể, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm. Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện và kiểm tra, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng nghiêm túc, nền nếp. Sự lãnh đạo của các cấp ủy được tăng cường đi đôi với phát huy tốt hơn vai trò của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể; khắc phục dần khuynh hướng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Dân chủ trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong nhân dân được phát huy.

II- NHỮNG MẶT TỒN TẠI, YẾU KÉM

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII còn nhiều mặt tồn tại, yếu kém.

1- Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế; quy mô nền kinh tế còn nhỏ bé, cơ cấu kinh tế còn lạc hậu; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Việc triển khai thực hiện các biện pháp đổi mới công nghệ, trang thiết bị, tiết kiệm chi phí trong từng ngành, từng sản phẩm còn chậm, ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng cao, nhưng phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ và giá cả nên sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn mang tính tự phát và không ổn định; giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất còn thấp; diện tích, sản lượng một số cây trồng phát triển không như dự kiến; chăn nuôi còn chiếm tỷ trọng thấp; trồng rừng chưa đạt kế hoạch. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một số nơi thiếu chặt chẽ; tình hình chuyển mục đích sử dụng đất tự phát còn diễn ra ở nhiều nơi.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh nhưng chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết; chưa gắn phát triển công nghiệp với quy hoạch, phát triển đô thị, phát triển dịch vụ và đào tạo công nhân; việc kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp sau đường, sản phẩm từ cao su, bột mì, thịt, sữa... chưa có hiệu quả. Phần lớn cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp, dễ gây ô nhiễm, chi phí sản xuất cao, năng suất lao động thấp, chất lượng hàng hóa chưa đủ sức cạnh tranh, gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Làng nghề tiểu thủ

công nghiệp chưa khai thác được hết tiềm năng hiện có, còn khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm.

Các ngành dịch vụ có phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng; dịch vụ tài chính, ngân hàng chưa phát triển mạnh. Đầu tư cho du lịch chưa tương xứng; tiềm năng du lịch, kinh tế biên giới chưa được khai thác tốt; mạng lưới và cơ sở vật chất cho hoạt động thương mại chưa đáp ứng yêu cầu. Các dịch vụ tư vấn, quy hoạch, xây dựng, thẩm định phát triển chậm và còn nhiều yếu kém. Giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm 5,24%, gần gấp đôi 5 năm trước ảnh hưởng phần nào đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển chậm.

Khả năng đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư còn rất hạn chế, quy mô tín dụng còn nhỏ. Môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh vẫn còn vướng mắc, thủ tục còn rườm rà. Chất lượng quy hoạch còn thấp; chưa làm tốt các khâu theo quy trình đầu tư, nhất là công tác giải tỏa, đền bù, tái định cư nên việc triển khai thực hiện các dự án chậm. Quản lý xây dựng cơ bản chưa chặt chẽ, có nơi còn để thất thoát; quản lý đô thị còn yếu kém, bất cập. Việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế; hầu hết các dự án có quy mô nhỏ, công nghệ và trang thiết bị chưa hiện đại. Quản lý, sử dụng tài sản công và chi tiêu ngân sách một số nơi còn lãng phí.

2- Về văn hóa - xã hội, một số mặt còn hạn chế. Nổi lên là xã hội hóa trên các lĩnh vực chậm; việc làm, thu nhập và đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là vùng biên giới, nông thôn còn nhiều khó khăn; sự phân hóa giàu nghèo tiếp tục giãn ra. Chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao. An toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, thực hiện Luật Lao động ở một số doanh nghiệp còn yếu kém.

Quản lý hoạt động văn hóa còn hạn chế; việc công nhận một số ấp, khu phố, gia đình văn hóa chưa đảm bảo thực chất; một số hoạt động văn hóa chưa được kiểm soát chặt chẽ, để xảy ra hiện tượng không lành mạnh. Chất lượng phát thanh - truyền hình chưa đáp ứng yêu cầu.

Chất lượng khám, chữa bệnh còn hạn chế, thái độ phục vụ của một số cán bộ y tế chưa tận tâm; chưa kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển kinh tế - xã hội chưa gắn với bảo vệ môi trường; nguy cơ ô nhiễm môi trường có xu hướng tăng; chưa có biện pháp căn cơ để xử lý ô nhiễm rạch Tây Ninh, một số cơ sở sản xuất còn gây ô nhiễm chưa được khắc phục.

3- Về quốc phòng - an ninh, tuy có tập trung chỉ đạo phòng, chống nhưng một số tai nạn, tệ nạn xã hội còn diễn biến đáng lo ngại, nhất là ma túy, mại dâm, trộm cắp, tai nạn giao thông, buôn lậu qua biên giới; an ninh biên giới có lúc còn phức tạp.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân còn chậm, nhất là trong lĩnh vực tranh chấp đất đai, có vụ việc giải quyết chưa đúng, chưa chuẩn xác, còn xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp, đông người, có lúc gây ra "điểm nóng".

Một bộ phận cán bộ các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp nên kết quả hoạt động hạn chế; thi hành án, nhất là án dân sự còn tồn đọng nhiều.

4- Hoạt động của các cơ quan chính quyền còn nhiều bất cập. Hoạt động giám sát của HĐND các cấp có lúc, có nơi chưa sâu, còn dàn trải. Một số cơ quan chính quyền và cán bộ hoạt động hiệu quả không cao; còn có hiện tượng tắc trách, những nhiều. Cải cách thủ tục hành chính tuy đạt được kết quả nhất định nhưng một số nơi còn mang tính hình thức, thủ tục còn rườm rà; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính chưa đáp ứng yêu cầu. Thực hiện quy chế dân chủ ở một số nơi chưa tốt, quyền dân chủ của nhân dân còn bị vi phạm; kỷ cương, phép nước chưa nghiêm.

5- Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận, đoàn thể ở cơ sở có nơi chưa ngang tầm với nhiệm vụ; thiếu ổn định nên thường hụt hẫng. Công tác quản lý đoàn viên, hội viên chưa chặt chẽ. Vai trò tham mưu, đề xuất, hoạt động giám sát của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa mạnh, chưa kịp thời; tính đại diện và tính phản biện chưa rõ; phương thức hoạt động chưa thật phù hợp với từng đối tượng quần chúng; có những nội dung hoạt động chưa thiết thực; việc tổng kết, nhân rộng các mô hình, điển hình tốt chưa nhiều. Việc nắm tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để tham mưu cho Đảng, chính quyền giải quyết những bức xúc liên quan đến đời sống nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời; lực lượng nòng cốt chưa được xây dựng và phát huy tốt. Một số cấp ủy, chính quyền, ban, ngành chưa nhận thức đầy đủ về công tác dân vận trong tình hình mới.

6- Năng lực, phương thức lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu của tình hình mới; sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số tổ chức Đảng thiếu năng động, sáng tạo, không sâu sát, thiếu toàn diện, không đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số cấp ủy, tổ chức Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa tạo được chuyển biến cơ bản, chưa góp phần tích cực ngăn chặn và đẩy lùi được tệ quan liêu, lãng phí, thoái hoá, biến chất; chưa tự giác trong tự phê bình và phê bình, còn hiện tượng ngại va chạm. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị chưa đổi mới mạnh mẽ, nội dung còn chung chung, hiệu quả chưa cao; nắm bắt diễn biến tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân chưa kịp thời; chưa đấu tranh mạnh với biểu hiện sai trái trong lĩnh vực tư tưởng; chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động các cơ quan thông tin đại chúng có lúc chưa chặt chẽ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, chưa gương mẫu trong học tập nâng cao trình độ, năng lực; chậm thay thế những cán bộ

yếu kém; một số ít vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Công tác quy hoạch cán bộ chưa khắc phục được tính khép kín; có nơi cán bộ còn hủ hăng, chậm củng cố, tỷ lệ cán bộ trẻ, nữ còn thấp. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng tốt yêu cầu; chưa kịp thời tạo nguồn, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ có trình độ chuyên môn cao.

Một số ít cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức đến công tác kiểm tra, chưa chủ động phát hiện sai phạm, những biểu hiện suy thoái của tổ chức đảng và đảng viên đề kiểm tra, ngăn ngừa. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo trong tình hình mới. Chưa kịp thời sơ kết, tổng kết tìm ra nguyên nhân sai phạm có tính phổ biến để tăng cường chỉ đạo, giáo dục ngăn ngừa và đề xuất biện pháp quản lý, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp. Một số vụ việc còn buông lỏng, chậm xử lý.

Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy Đảng chưa thật sự đổi mới mạnh mẽ; có nơi còn lúng túng, thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy dân chủ trong Đảng; chưa coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc.

III - TỔNG QUÁT - NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

1- Đánh giá tổng quát

+ Về thành tựu

Mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức, song kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2001 - 2005 tiếp tục đạt được những thành tựu rất quan trọng; hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu và chỉ tiêu phát triển ngành đạt và vượt kế hoạch. Nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng cao, chặn được đà giảm sút của giai đoạn 5 năm trước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Sản xuất nông nghiệp gắn với thị trường và công nghiệp chế biến; công nghiệp phát triển khá và có nhiều sản phẩm mới; chất lượng dịch vụ được nâng lên; xuất khẩu tăng mạnh, thu ngân sách đạt khá, huy động nguồn lực đầu tư phát triển tốt hơn; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Một số lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực, nhất là xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đời sống nhân dân được nâng lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; pháp luật được thực thi nghiêm minh hơn; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy và thực chất hơn. Hệ thống chính trị được thường xuyên củng cố, sắp xếp; cán bộ được từng bước chuẩn hóa, luân chuyển nên hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao.

+ Tồn tại, yếu kém

Nổi lên là sự tăng trưởng kinh tế chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Sản xuất công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đạt kế hoạch; sản xuất nông nghiệp chưa thật ổn định và hiệu quả chưa cao; trang thiết bị, công nghệ của phần lớn cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được đổi mới nhiều, sức cạnh tranh của sản phẩm yếu; dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu. Chất lượng quy hoạch thấp; việc quy hoạch và thực hiện các quy hoạch, các chương trình, dự án chậm. Một số mặt của đời sống xã hội còn hạn chế; thực hiện chủ trương xã hội hóa trên một số lĩnh vực chậm; một số tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng. Một số nơi thực hiện quy chế dân chủ cơ sở còn mang tính hình thức, cá biệt có nơi còn vi phạm quyền dân chủ. Một số cấp, ngành, đoàn thể năng lực hoạt động thực tiễn chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất đạo đức, tự phê bình và phê bình chưa cao.

2- Nguyên nhân

2.1- Nguyên nhân thành tựu

+ Về khách quan: Nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã có nhiều cơ chế, chính sách thông thoáng, nhiều giải pháp giúp địa phương tháo gỡ khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội.

+ *Về chủ quan:*

- Kết quả đầu tư của Nhà nước và nhân dân trong những năm trước đã phát huy tác dụng rõ nét; nhất là kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn.

- Các cấp ủy đảng đã kịp thời vận dụng, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương sát hợp với thực tiễn của tỉnh, được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Các cấp, các ngành có kế hoạch, chương trình cụ thể; lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm.

- Nội bộ các cấp ủy, chính quyền đoàn kết, thống nhất; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được trí tuệ của tập thể. Đội ngũ cán bộ đa số có bước trưởng thành, qua hoạt động thực tiễn ngày càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

2.2- Nguyên nhân tồn tại

Có nguyên nhân khách quan do diễn biến phức tạp của thời tiết, dịch bệnh, giá cả thị trường biến động khó lường; ảnh hưởng mặt trái của cơ chế thị trường.... Nhưng chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan sau:

- Các cấp ủy chưa lường hết những tình huống không thuận lợi; thiếu năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo. Việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, giải pháp ở các cấp, các ngành chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao; lúng túng trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; phối hợp, kết hợp xử lý các vấn đề vướng mắc chưa đến nơi, đến chốn.

- Việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các nghị quyết có lúc, có việc chưa sát với điều kiện của địa phương nên nghị quyết của Đảng chậm đi vào cuộc sống. Việc sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết, rút ra mô hình tốt để nhân rộng chưa kịp thời, chưa sâu.

- Trình độ và năng lực của cán bộ chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, thiếu đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, đội ngũ cán bộ ở cơ sở chưa qua đào tạo còn nhiều, chậm thay thế những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, để công việc trì trệ. Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính ở một số nơi còn mang tính hình thức. Công tác kiểm tra, xử lý những tồn tại chưa kịp thời, thiếu kiên quyết và chưa đến nơi đến chốn.

3- Từ thực tiễn 5 năm qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm.

- *Một là*, phải đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ nghiêm kỷ luật Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ; xây dựng nội bộ đoàn kết, thống nhất để nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt - đúng người, đúng việc. Phát huy tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm đi đôi với xây dựng tinh thần cần - kiệm - liêm - chính, chí công vô tư; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội trong đội ngũ cán bộ. Phải hết sức coi trọng và không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra; kịp thời phát hiện và mạnh dạn xử lý những sai phạm.

- *Hai là*, công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nghị quyết trên từng lĩnh vực, từng thời điểm phải có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, phải chọn đúng khâu đột phá, những vấn đề then chốt để tập trung chỉ đạo. Tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết cụ thể những vấn đề bức xúc, những vấn đề vướng mắc của cấp dưới, nhất là của cơ sở để tạo ra sự phát triển ổn định, bền vững và thu hút được các nguồn lực. Nâng cao và quy trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân được giao việc.

- *Ba là*, phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết tốt tiến bộ và công bằng xã hội; nhất là giải quyết có hiệu quả những vấn đề an sinh xã hội bức xúc, những vấn đề nhạy cảm về chính trị - xã hội, những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng - an ninh và môi trường sinh thái.

- *Bốn là*, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương phép nước để huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố quyết định cho thắng lợi. Phương châm "ý Đảng hợp với lòng dân" và "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được thực hiện đối với mọi công việc, mọi quyết định, nhất là những công việc có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của người dân để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tối đa nội lực.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2006 - 2010

I- THUẬN LỢI - KHÓ KHĂN

1- Thuận lợi và thời cơ

- Đầu tư của Trung ương và của tỉnh những năm qua làm cho kinh tế - xã hội phát triển, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; tiềm năng về nguồn nhân lực, vị trí địa lý, đất đai, khí hậu của tỉnh cùng với quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là những điều kiện thuận lợi để những năm tới tỉnh ta đẩy nhanh tốc độ phát triển.

- Các cấp, các ngành, nhân dân đã thích nghi và tích lũy ít nhiều kinh nghiệm hoạt động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Được hưởng lợi từ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chung trong vùng và những chính sách ưu đãi cho vùng kinh tế trọng điểm tạo cơ hội thuận lợi cho tỉnh thu hút đầu tư, phát triển nhanh và bền vững.

2- Khó khăn, thách thức

- Thực lực nền kinh tế của tỉnh còn kém, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, những biến động khó lường và mặt trái của kinh tế thị trường cùng với dịch bệnh, thiên tai bất thường sẽ tác động xấu đến sự phát triển.

- Xuất phát điểm nền kinh tế thấp, khả năng đáp ứng cho phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao rất khó khăn, dẫn đến nguy cơ tụt hậu xa hơn so với một số tỉnh trong vùng. Chất lượng nguồn nhân lực còn kém, hụt hàng đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh giỏi, thiếu đội ngũ công nhân lành nghề.

- Các thế lực thù địch chống phá ta bằng âm mưu "diễn biến hòa bình" tiếp tục gay gắt và phức tạp; tình hình biên giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố không thuận lợi. Tệ quan liêu, lãng phí và thoái hóa, biến chất, năng lực kém của một bộ phận cán bộ, đảng viên chậm được khắc phục là lực cản lớn trong quá trình phát triển.

II - MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO

1- Mục tiêu tổng quát

Tập trung mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hoá, nhất là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn; xây dựng thị xã, thị trấn văn minh và từng bước hiện đại. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững, phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng

điểm phía Nam. Đẩy mạnh công tác đào tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao trình độ dân trí; cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân; tập trung chỉ đạo giải quyết cơ bản, có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc. Giữ vững sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

2- Phương hướng chỉ đạo

- Phải tiếp tục xem phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Tập trung mọi nguồn lực, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ tiên tiến để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, nhất là khu vực nông nghiệp và nông thôn, tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phấn đấu giữ tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cao hơn vùng Đông Nam bộ. Ưu tiên đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đặc biệt là đường giao thông, điện, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, chỉnh trang thị xã, thị trấn. Phấn đấu đưa tỉnh ta phát triển nhanh và đến năm 2020 trở thành tỉnh công nghiệp phát triển bền vững theo hướng hiện đại.

- Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, tập trung giải quyết các vấn đề an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái; gắn chuyển dịch cơ cấu kinh tế với chuyển dịch cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động và giải quyết việc làm. Khuyến khích mọi người dân **làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo và chống làm giàu phi pháp. Tạo bước chuyển mạnh trong việc xây dựng nền tảng văn hóa, phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.**

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là điều kiện đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh; sẵn sàng đối phó có hiệu quả với mọi tình huống. Tập trung thực hiện tốt Chương trình mục tiêu "4 giảm" để kéo giảm tai nạn, tệ nạn xã hội xuống mức thấp nhất. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ cải cách tư pháp, tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt cho các cơ quan tư pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Trọng tâm là đẩy mạnh công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực trí tuệ và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đảng viên. Xây dựng chính quyền vững mạnh, văn minh và từng bước hiện đại. Cùng cố mặt trận, đoàn thể nhân dân đáp ứng yêu cầu mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư và đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

3- Một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội đến năm 2010

3.1- Các chỉ tiêu kinh tế

- + Tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng bình quân hàng năm 15,5 - 16%;
- + GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.050 - 1.100 USD;
- + Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP đến năm 2010 đạt:
 - Nông - lâm - ngư nghiệp : 24 - 25%;
 - Công nghiệp - Xây, dựng : 37 - 38%;
 - Dịch vụ : 38 - 39%.
- + Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 5,5 - 6%/năm;
- + Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 24 - 25%/năm;
- + Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 16 - 16,5%/năm;
- + Huy động GDP vào ngân sách đạt trên 10% vào năm 2010;
- + Đầu tư phát triển trên địa bàn đạt khoảng 40- 41% GDP.

3.2- Các chỉ tiêu xã hội

- + Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới) giảm xuống còn 2% vào năm 2010;
- + Tạo điều kiện giải quyết việc làm bình quân hằng năm 22.000 - 23.000 lao động;
- + Tỷ lệ lao động qua đào tạo và dạy nghề đạt 50%;
- + Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2010 còn 1,1%;
- + Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 20%;
- + Trên 98% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia.

3.3- Các chỉ tiêu về môi trường

- + 100% dân cư thành thị và 85% hộ nông thôn được dùng nước sạch hợp vệ sinh;
- + 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; các cơ sở sản xuất xây dựng mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm;
- + Nội thị thị xã và 40% thị trấn, 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ 90% chất thải rắn, 100% chất thải nguy hại và chất thải y tế được thu gom xử lý;

+ Tỷ lệ che phủ tự nhiên đạt trên 40%; tăng cây xanh ở thị xã, thị trấn.

III - NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1- Về kinh tế, đẩy mạnh khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh để đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững.

1.1- Về nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu công nghiệp chế biến và xuất khẩu với cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, bảo đảm môi trường sinh thái; ổn định các vùng chuyên canh, chuyển diện tích lúa năng suất thấp sang trồng cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Tăng cường công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, hướng tới một nền nông nghiệp chất lượng cao. Chú trọng phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại trong nông nghiệp.

- Về trồng trọt, định hướng đến năm 2010 đạt diện tích, sản lượng một số cây trồng chính như sau:

- + Cây lúa: 120.000 ha, sản lượng 500.000 tấn/năm;
- + Cây cao su: 45.000 ha, sản lượng khoảng 65.000 tấn mùn quy khô;
- + Cây mía: 35.000 - 40.000 ha, năng suất bình quân trên 75 tấn/ha, sản lượng khoảng 3 triệu tấn mía cây/năm;
- + Đậu phộng: 30.000 ha, sản lượng 90.000 tấn;
- + Cây mì: 25.000 ha, sản lượng 625.000 tấn;
- + Cây ăn trái các loại: 15.000 - 20.000ha, trong đó măng cầu chuyên canh 5.000 - 6.000 ha;
- + Cây điều: 10.000 ha, sản lượng 11.900 tấn;
- + Bắp: 10.000 ha, sản lượng 48.000 tấn.
- + Thuốc lá: 8.000 - 10.000 ha, sản lượng 16.000 - 20.000 tấn;

- Về *chăn nuôi*, phần đầu đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 12% trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung ở các trang trại bảo đảm an toàn về dịch bệnh; phát triển công nghiệp chế biến và tìm thị trường tiêu thụ ổn định. Định hướng quy mô đàn gia súc, gia cầm đến năm 2010 như sau:

+ Đàn bò: 132.000 con, quan tâm dự án phát triển đàn bò sữa;

+ Đàn trâu: 45.000 con;

+ Đàn heo: 320.000 con, trong đó heo sinh sản 40.000 con;

+ Đàn gia cầm: 3,7 triệu con.

- Về *lâm nghiệp*, tập trung bảo vệ vốn rừng, khoanh nuôi rừng tái sinh; đẩy mạnh trồng rừng tập trung và cây phân tán, đảm bảo độ che phủ tự nhiên đạt trên 40%.

- Về *thủy sản*, tập trung bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản Hồ Dầu Tiếng đi đôi với bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bền vững; có chính sách hỗ trợ vốn và tiêu thụ sản phẩm; chú ý phát triển nuôi trồng ven sông Vàm Cỏ Đông. Phần đầu sản lượng thủy sản tăng bình quân 12,5%/năm; trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng bình quân 18%/năm.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, công tác thú y. Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực cải tạo giống, bảo quản và chế biến nông sản; tuyên truyền, phổ biến các giống mới có hiệu quả kinh tế cao. Đầu tư đổi mới các trang thiết bị kỹ thuật trong nông nghiệp và nông thôn; tăng tỷ lệ cơ giới hóa tất cả các khâu canh tác và thu hoạch.

1.2- Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tập trung mọi nguồn lực để phát triển nhanh công nghiệp; phần đầu hằng năm đổi mới 20 - 25% công nghệ và trang thiết bị để từng bước hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh trong sản xuất công nghiệp. Tiếp tục ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí chế tạo, khai thác khoáng sản; các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống; từng bước phát triển công nghiệp điện tử, tin học, sinh học... Đẩy mạnh việc thực hiện đề án khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống.

Giai đoạn 2006 - 2010 tập trung kêu gọi đầu tư cơ bản lấp đầy Khu công nghiệp Trảng Bàng, khu công nghiệp Trâm Vàng (Gò Dầu), 50% khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và thu hút vào các cụm công nghiệp khác trong tỉnh; phần đầu chuyển cụm công nghiệp Bến Kéo thành khu công nghiệp.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu:

+ Công nghiệp mía đường: Mở rộng hợp đồng đầu tư giữa nhà máy với nông dân, ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học - công nghệ để duy trì và phát triển các vùng mía nguyên liệu; tạo điều kiện để đến năm 2010 các doanh nghiệp nâng tổng công suất chế biến lên 20.500 tấn mía cây/ngày.

+ Chế biến củ mì: Giữ ổn định công suất chế biến đến cuối năm 2010, đáp ứng yêu cầu chế biến hết lượng mì củ trong tỉnh.

+ Chế biến cao su: Phấn đấu đến năm 2010 đưa công suất chế biến lên 82.000 tấn sản phẩm/năm. Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm từ cao su phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

+ Công nghiệp cơ khí: Phát triển ngành cơ khí phục vụ nông - lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng trên cơ sở tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị.

+ Công nghiệp khai khoáng: Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, tăng thêm chủng loại để đủ sức cạnh tranh và xuất khẩu. Phấn đấu đưa nhà máy xi măng hoạt động vào năm 2008. Mở rộng khai thác than bùn phục vụ sản xuất phân vi sinh; hình thành và phát triển công nghiệp khai thác nước khoáng.

1.3- Dịch vụ

Tập trung phát triển có tính đột phá các dịch vụ có tiềm năng như du lịch, thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông, xây dựng, quy hoạch; tư vấn, thẩm định, xuất khẩu lao động... Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, dịch vụ việc làm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân và từng bước hội nhập kinh tế quốc tế.

Đảm bảo hàng hóa lưu thông suốt đến tất cả các nơi trong tỉnh và vươn ra thị trường nước ngoài; phấn đấu tăng mức luân chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân 15%/năm. Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát; Trung tâm thương mại Hòa Thành, Thị xã, Gò Dầu và các trục thương mại, các chợ cửa khẩu, chợ biên giới.

Tập trung phát triển du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo mang phong cách riêng của tỉnh, phấn đấu tăng doanh thu bình quân trên 15%/năm. Đầu tư nâng cấp mở rộng các khu, điểm du lịch; liên kết mở rộng các chuyên, tuyến du lịch trong và ngoài nước; tập trung đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khu du lịch núi Bà Đen thành trọng điểm du lịch khu vực song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp các khu, điểm du lịch khác để có sức

thu hút khách du lịch ở lại tỉnh dài ngày hơn. Phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch ở các khu du lịch trọng điểm.

Phát triển và đa dạng hóa dịch vụ bưu chính - viễn thông, đặc biệt là các dịch vụ gia tăng. Tiếp tục đầu tư phát triển mạng bưu cục, nhất là ở các khu công nghiệp, du lịch, thương mại, khu dân cư mới; đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển kênh bán hàng; phát triển đi đôi với tăng cường quản lý mạng Internet. Phần đầu đến năm 2010 mật độ điện thoại đạt 35 máy/100 dân, mật độ thuê bao Internet đạt 8 - 12 thuê bao/100 dân với tỷ lệ sử dụng Internet đạt 25 - 35%.

1.4- Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp Nhà nước. Đổi mới kinh tế tập thể và phát triển mạnh loại hình kinh tế đa sở hữu. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân.

Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước một cách vững chắc theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước có nhiều chủ sở hữu, chủ yếu là công ty cổ phần; kiên quyết xử lý những doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ. Lành mạnh hóa tình hình tài chính và lao động của doanh nghiệp; thực hiện cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp thông qua Công ty tài chính Nhà nước, các doanh nghiệp được huy động vốn trên thị trường để phát triển kinh doanh. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp nhà nước khi hội đủ điều kiện và trong những lĩnh vực thật cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội, chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần.

Tạo điều kiện để phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng phù hợp với trình độ phát triển của các ngành nghề, trên các địa bàn. Đa dạng hóa hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể; phát triển các loại hình doanh nghiệp trong hợp tác xã và các hình thức liên hiệp hợp tác xã.

Tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định pháp luật; không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn; không phân biệt đối xử. Tạo thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ngân hàng, các tổ chức tín dụng, kể cả quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước.

1.5- Về tài chính - ngân hàng

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động tài chính, ngân hàng. Thực hiện tốt Luật Ngân sách sửa đổi, đảm bảo thu đúng, thu đủ và chống thất thu; phân cấp đúng luật cho các cấp ngân sách về nguồn thu, nhiệm vụ chi và đầu tư phát triển.

Hệ thống ngân hàng tiếp tục phát triển mạng lưới hoạt động, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các sản phẩm dịch vụ tiện ích. Tăng cường công tác huy động, khai thác các nguồn vốn để mở rộng đầu tư, đáp ứng nhu cầu vốn cho các

thành phần kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và chế biến hàng xuất khẩu.

1.6- Kinh tế đối ngoại

Nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho một số loại mặt hàng nông sản; củng cố các thị trường truyền thống, tiếp cận các thị trường mới. Phân đấu giai đoạn 2006 - 2010 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 2.700 - 2.800 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 25 - 26%; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 1.800 - 1.900 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 28 - 29%.

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; tập trung thu hút vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch đã quy hoạch; tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư ra ngoài tỉnh, ngoài nước. Coi trọng và tăng cường quan hệ kinh tế với Campuchia. Giai đoạn 2006 - 2010, phân đấu thu hút vốn đăng ký trong, ngoài nước đạt 850 triệu USD.

1.7- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Tiếp tục huy động vốn, quản lý và điều hành có hiệu quả vốn đầu tư phát triển. Tập trung hoàn thành các công trình chuyển tiếp, công trình chưa thực hiện của giai đoạn 2001 - 2005; tiếp tục đầu tư xây dựng mới các dự án quan trọng về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân; nhất là đường giao thông, đường điện, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, thương mại - du lịch, thị xã, thị trấn, các hạ tầng có ý nghĩa quan trọng phục vụ quốc phòng - an ninh và môi trường.

Những công trình cần tập trung trong giai đoạn 2006 - 2010 là:

Hạ tầng khu công nghiệp Trâm Vàng (Gò Dầu) và các cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các khu tái định cư; khu du lịch hồ Dầu Tiếng, núi Bà Đen, công viên văn hóa Bàu Cà Na; chợ nông sản đầu mối, siêu thị thương mại. Các trục giao thông chính nối với đường xuyên Á, quốc lộ 22B; hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn, khu phố. Đầu tư phát triển hệ thống đường sông; nâng cấp, mở rộng cảng Bến Kéo, cảng Long Thành Nam; nghiên cứu xây dựng cảng Gò Dầu, cầu Bến Đình (Bến Cầu - Gò Dầu).

Các công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, bảo đảm nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt. Đầu tư xây dựng tiểu dự án khu tưới Tân Biên (thuộc dự án thủy lợi Phước Hòa), tiểu dự án Dầu Tiếng (thuộc dự án hiện đại hóa thủy lợi Dầu Tiếng); hoàn chỉnh và xây dựng mới một số trạm bơm, đê bao chống lũ, tháo úng ven sông; đầu tư thủy lợi cho phía Tây sông Vàm Cỏ Đông. Phân đấu đến năm 2010 diện tích tưới chủ động đạt hơn 80.000 ha, diện tích tiêu 120.000 ha.

Hoàn chỉnh và mở rộng hệ thống cấp nước, thoát nước ở đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Tiếp tục kiên cố hóa, lầu hóa trường lớp; nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở dạy nghề. Đầu tư xây dựng y tế xã đạt chuẩn quốc gia; Trung tâm y tế Trảng Bàng, Gò Dầu, Thị xã; Bệnh viện Y học dân tộc; dự án quản lý, dạy nghề sau cai nghiện; Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu niên tỉnh; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; một số cơ sở văn hóa, thể dục - thể thao; Trung tâm tái hiện các di tích lịch sử cách mạng miền Nam tại Bời Lời và bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa. Chính trang đô thị, xây dựng các cụm dân cư nông thôn; hạ tầng cho bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

1.8- Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tiếp tục phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và nâng cao dân trí. Phần đầu đưa trẻ em 6 tuổi ra lớp hằng năm đạt trên 99%; củng cố kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2007; đến năm 2010 có 100% phường, thị trấn, 50% xã của huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Thị xã, Hòa Thành và 20% xã các huyện còn lại hoàn thành phổ cập Trung học phổ thông; giai đoạn 2006 - 2010 có thêm 55 trường đạt chuẩn quốc gia.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, phát triển loại hình trường dân lập, tư thục; từng bước chuyển các trường bán công sang 2 loại hình trên; phát triển loại hình bán trú ở những nơi có điều kiện. Tạo điều kiện thuận lợi để sớm đưa trường Đại học tư thục Á Châu vào hoạt động. Lựa chọn một số cán bộ trẻ, có năng lực và học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông loại giỏi đưa đi đào tạo trong và ngoài nước; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình hợp tác đào tạo với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến học.

Đầu tư nâng cao chất lượng và mở rộng các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề, trường dạy nghề; xã hội hóa mạnh mẽ việc dạy nghề để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tuyển dụng và đào tạo lao động kỹ thuật.

1.9- Nâng cao hiệu quả của khoa học - công nghệ đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Khoa học - công nghệ phải gắn với sản xuất kinh

doanh, phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội. *Trong 5 năm tới cần tập trung vào các chương trình sau:*

- Chương trình chuyển giao công nghệ, thử nghiệm và nhân nhanh các giống mới về cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghệ cao, phần mềm, sinh học, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải...

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực, tập trung phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, quản lý nhằm hoàn thành việc tiêu chuẩn hóa cán bộ và chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế thừa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

1.10- Tăng cường quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường bền vững

Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Sử dụng hợp lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Tập trung xử lý tốt chất thải, rác thải; cấp thoát nước ở các khu công nghiệp, đô thị; giữ gìn môi trường nông thôn. Huy động nhiều nguồn lực theo hướng xã hội hóa để bảo vệ môi trường; đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị kinh tế, cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường.

Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường không khắc phục được ra khỏi thị xã, thị trấn, khu đông dân cư. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án hỏa táng và quy hoạch nghĩa địa. Nghiên cứu, xây dựng nhà máy xử lý rác thải có quy mô đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội lâu dài.

2- Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy nhanh việc xã hội hóa trên các lĩnh vực để phát triển xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, từng bước thực hiện mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tiếp tục thực hiện các *chương trình xóa đói, giảm nghèo, chương trình giải quyết việc làm* gắn với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và theo hướng xã hội hóa. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, xúc tiến việc làm và xuất khẩu lao động, tạo cơ hội cho người lao động tự kiếm việc làm. Phân đầu đến năm 2010 tỷ lệ lao động không có việc làm còn dưới 4%, tỷ lệ lao động nông nghiệp còn 42% và thời gian lao động ở nông thôn đạt trên 85%. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn lao động và việc thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động. Không để tái hộ đói, đẩy nhanh tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo trên cơ sở Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ và cá nhân tự vươn lên thoát nghèo. Chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách và những người có công với nước. Tiếp tục

vận động "quỹ đền ơn đáp nghĩa", "quỹ vì người nghèo"; duy trì kết quả xóa nhà tạm, nhà dột nát.

Chăm sóc sức khỏe nhân dân hướng vào mục tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng sức khỏe và tuổi thọ cho người dân. Phân đấu đến năm 2010 tuổi thọ bình quân bằng hoặc cao hơn bình quân chung của cả nước. Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng; chủ động phòng chống các bệnh đang có chiều hướng phát triển. Thành lập các chuyên khoa sâu, kỹ thuật cao tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trảng Bàng, Gò Dầu. Từng bước chuyển bệnh viện công lập sang hoạt động theo cơ chế cung ứng dịch vụ; khuyến khích phát triển các cơ sở khám, trị bệnh ngoài công lập. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; phân đấu có 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt 8 bác sĩ, được sĩ trên 10.000 dân; 100% ấp, khu phố có nhân viên y tế hoạt động thường xuyên.

Nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tập trung chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông dân số - kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, ấm no, hạnh phúc. Phân đấu giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,04%; đến năm 2010 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,1%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 20%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tử vong thấp hơn 1,8%, dưới 5 tuổi thấp hơn 2,5%, tỷ lệ bà mẹ tử vong liên quan đến thai sản còn khoảng 0,05%.

Nâng cao chất lượng các *hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền*. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, chuyển toàn bộ cơ sở công lập thuộc ngành văn hóa sang hoạt động theo cơ chế cung ứng dịch vụ. Giữ gìn và tôn tạo các di tích lịch sử, các di sản văn hóa dân tộc. Tăng cường các biện pháp và vận động toàn xã hội xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phân đấu đến năm 2010 có 50% xã, phường, thị trấn và 75 - 80% ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa; 100% xã có nhà văn hóa; các phường, thị trấn phải đảm bảo có nơi sinh hoạt văn hóa cho nhân dân; 90% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Hoàn thiện việc phủ sóng và nâng cao chất lượng nội dung chương trình phát thanh, truyền hình, đảm bảo 100% số hộ nghe được đài phát thanh, xem được đài truyền hình; nâng cao chất lượng và tăng số lượng phát hành Báo Tây Ninh.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện thân thể, phát triển thể thao đỉnh cao và thể thao phong trào theo tinh thần xã hội hóa. Phân đấu đến năm 2010 xóa các "xã trắng" về thể dục - thể thao, trên 90% hướng dẫn viên thể dục - thể thao cấp xã được đào tạo nghiệp vụ, có 25% dân số tập luyện thể dục - thể thao, 95% số trường học đảm bảo công tác giáo dục thể chất có nền nếp; đầu tư phát triển có trọng điểm một số môn thể thao thế mạnh của tỉnh và đào tạo năng khiếu. Chuyển các cơ sở thể dục -

thể thao công lập sang hoạt động theo cơ chế cung ứng dịch vụ; một số cơ sở có điều kiện chuyển sang loại hình ngoài công lập.

3- Tập trung xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh, phổ biến pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ quân sự địa phương hằng năm; thường xuyên tổ chức huấn luyện, diễn tập để nâng cao bản lĩnh chính trị, sẵn sàng chiến đấu cao. Triển khai xây dựng đề án khu vực phòng thủ 2003 - 2010; tiếp tục hoàn thiện và vận hành cơ chế trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện.

Tập trung đấu tranh làm giảm đáng kể các loại tội phạm hình sự nghiêm trọng, tội phạm có tổ chức; thực hiện tốt chương trình mục tiêu "4 giảm" của tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc rộng khắp, có chiều sâu và trở thành phong trào tự giác của quần chúng tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm. Củng cố thể trận an ninh nhân dân tại các địa bàn trọng điểm, các khu vực nhạy cảm, địa bàn biên giới; nâng cao khả năng tự bảo vệ nội bộ.

Nâng cao tiềm lực quốc phòng và an ninh, từng bước đổi mới trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật. Tập trung xây dựng lực lượng công an, quân sự, biên phòng trong sạch vững mạnh; sắp xếp bộ máy, bố trí lực lượng, nâng cao phẩm chất và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Củng cố lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ, công an xã; tăng cường cho các địa bàn trọng điểm.

Tăng cường xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác. Thực hiện đúng quy chế biên giới và các thỏa thuận giữa chính quyền hai bên, tập trung xây dựng các điểm dân cư biên giới ổn định. Phòng chống xâm nhập trái phép qua biên giới, buôn lậu, xâm canh, xâm cư; có phương án cụ thể giải quyết các tranh chấp.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân. (Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp và kiện toàn các cơ quan tư pháp:) tập trung thực hiện tốt công tác thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng tồn đọng kéo dài.

4- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan chính quyền theo hướng tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch trong quản lý nhà nước đối với toàn xã hội.

Đổi mới hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp theo hướng dân chủ, công khai và thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn theo luật định. Đặc biệt coi trọng vai trò giám sát; xây dựng và công bố các tiêu chí, nội dung giám sát và tổ chức giám sát thường xuyên hoạt động của các ngành, các cấp.

Không ngừng củng cố và hoàn thiện bộ máy chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở. Tập trung thực hiện những mục tiêu của chương trình cải cách hành chính nhà nước đối với chính quyền địa phương là:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp; đảm bảo thực hiện tốt quyền giám sát theo luật định. Nâng cao trình độ, kỹ năng hoạt động của đại biểu, nhất là kiến thức về pháp luật và quản lý hành chính nhà nước.

- Ổn định hệ thống hành chính theo hướng bộ máy gọn nhẹ; xác định chức năng, nhiệm vụ cho mỗi cấp rõ ràng hơn. Tăng cường trách nhiệm và năng lực của các cơ quan hành chính và cán bộ, công chức trong giải quyết công vụ; đặc biệt là người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp.

- Xây dựng bộ máy ủy ban nhân dân các cấp vững mạnh toàn diện; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn.

Trước mắt, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các ngành, các cấp cho phù hợp; hoàn thiện mô hình "một cửa"; đẩy mạnh phân cấp quản lý, nâng cao tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm của từng ngành, từng cấp. Tất cả các cơ quan chính quyền đều có trụ sở và trang thiết bị, điều kiện làm việc đáp ứng yêu cầu; biên chế gọn nhẹ, có quy chế làm việc cụ thể. Hoàn chỉnh mạng tin học cục bộ và nối mạng tất cả các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền điện tử.

Phấn đấu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức đủ các tiêu chuẩn theo chức danh. 100% cán bộ, công chức được tập huấn về nghiệp vụ và cách giao tiếp với nhân dân; 100% cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng các chức danh theo quy định của Chính phủ.

5- Về công tác tôn giáo, dân tộc, tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về công tác tôn giáo, công tác dân tộc có chiều sâu, hiệu quả thiết thực. Cần tập trung một số công việc sau:

Các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, ý thức về công tác tôn giáo, công tác dân tộc. Kiên quyết ngăn ngừa các hoạt động lợi dụng chính sách tôn giáo, dân tộc phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Kiến toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, công tác dân tộc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đổi mới nội dung, phương thức vận động và vận dụng thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về tôn giáo, dân tộc.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động tôn giáo; hướng dẫn, giúp đỡ các tôn giáo thực hiện đúng pháp luật. Phối hợp triển khai các chương trình, dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào có đạo và đồng bào dân tộc thiểu số cải thiện và nâng cao đời sống, gắn bó với các tổ chức quần chúng, tích cực góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

6- Về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Tiếp tục tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân các văn bản về quy chế dân chủ. Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ các cấp. Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định; tập trung hoàn thiện quy ước ở 100% ấp, khu phố. Gắn việc thực hiện quy chế dân chủ với cải cách hành chính, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Tăng cường việc giám sát của hội đồng nhân dân, mặt trận, đoàn thể nhân dân đối với việc thực hiện quy chế dân chủ. Nâng cao chất lượng hoạt động của ban thanh tra nhân dân. Tổ chức tốt việc tự kiểm điểm trước dân của cán bộ chủ chốt xã, ấp và việc bầu cử trưởng ấp, khu phố. Các công trình, dự án phải được công bố công khai; nhất là các công trình do cấp trên làm chủ đầu tư và công trình có nhân dân đóng góp.

7- Đổi mới công tác dân vận của Đảng, hoạt động của Mặt trận, đoàn thể; không ngừng mở rộng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư, thực hiện xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Các cấp ủy thường xuyên củng cố, kiện toàn ban dân vận các cấp, khôi dân vận cơ sở; định kỳ làm việc và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động cho Mặt trận, đoàn thể. Tạo chuyển biến thực sự về công tác dân vận, về thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan Nhà nước, trong đội ngũ công chức. Hệ thống chính trị đổi mới phong cách công tác dân vận theo hướng *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.*

Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, về từng khu dân cư, từng gia đình và mỗi con người với những nội dung thiết thực, cụ thể nhằm chăm lo đời sống, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cho nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân, xây dựng sự đồng thuận ngày càng cao trong cộng đồng dân cư. Tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân vận, công tác tôn

giáo, công tác dân tộc, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, gắn kết với việc củng cố và phát triển tổ chức, đạt được các mục tiêu về chính trị, xã hội, phong trào và tổ chức.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng trong hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Mở rộng mặt trận tập hợp quần chúng; đa dạng hóa loại hình để tập hợp trên 80% quần chúng vào các tổ chức đi đôi với kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy, phấn đấu không còn cơ sở yếu kém. Tăng cường việc quản lý và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên; chú ý phát triển đoàn viên, hội viên trong vùng có đông đồng bào tôn giáo, vùng dân tộc thiểu số.

8- Nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng, sức chiến đấu và tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Xây dựng phương thức, phong cách lãnh đạo, chỉ đạo khoa học, sáng tạo, chủ động, sát thực tế.

Tập trung nâng cao năng lực cụ thể hóa, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng; tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời sơ kết, tổng kết, phát hiện và nhân rộng điển hình. Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng; chú trọng bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng nhằm nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị và trí tuệ của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên. Coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, ý thức cảnh giác cách mạng và đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đầu tư mọi mặt để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần xã hội. Củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ, phương tiện kỹ thuật cho các cơ quan tham mưu, quản lý trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Phát huy vai trò và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thông tin đại chúng, văn hóa - văn nghệ.

Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên học tập và làm theo đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có lối sống lành mạnh; có tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, thực sự tiên phong, gương mẫu, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội. Chăm lo củng cố sự đoàn kết, thống nhất và tình đồng chí trong đảng; thực hiện dân chủ rộng rãi, nâng cao hiệu quả tự phê bình và phê bình.

Tiếp tục kiện toàn, xác định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan đảng, mặt trận, đoàn thể, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX). Đổi mới nội dung và phương pháp để đánh giá đúng thực chất tình hình chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đề cao tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt của cấp ủy, của chi bộ; kiện toàn các cấp ủy, nhất là Bí thư cấp ủy; từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở. Phần đầu đến năm 2010 có trên 90% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; 100% Đảng bộ các xã biên giới đạt trong sạch vững mạnh; toàn tỉnh không có cơ sở đảng yếu kém.

Tăng cường công tác phát triển đảng viên mới, chú trọng lực lượng trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, công nhân, con em gia đình có công với nước và đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, vùng biên giới, tôn giáo. Kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp. Phần đầu đến năm 2010 các cơ sở, địa bàn đều có chi bộ (không còn đảng viên lẻ), tỷ lệ đảng viên so với dân số đạt 2% trở lên, riêng các xã biên giới đạt 1,3%.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất tốt; có tư duy đổi mới, sáng tạo; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu; có tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức, kỷ luật cao, gắn bó với nhân dân. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; nhất là cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân từ công nhân, con em gia đình có công với nước, dân tộc thiểu số. Có chính sách đưa cán bộ, sinh viên, học sinh có đạo đức tốt và triển vọng đi học ở nước ngoài; quản lý, giáo dục và sử dụng tốt lực lượng cán bộ này.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Xác định rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm liên đới giữa các cấp. Thực hiện tốt chế độ bỏ phiếu tín nhiệm đối với cán bộ; thực hiện cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện tốt chính sách cán bộ nói chung và cán bộ tiền khởi nghĩa, cán bộ hưu trí.

Phải hết sức chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; chú ý xem xét, giải quyết những vấn đề lịch sử chính trị, nhất là những vấn đề chính trị hiện nay. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là cấp cơ sở phải nắm chắc và quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất chính trị và đạo đức. Cùng cố, kiện toàn cơ quan tham mưu về công tác bảo vệ chính trị nội bộ của cấp ủy; bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan để thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới.

Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải có kế hoạch cụ thể, quyết tâm chính trị cao tiến hành đấu tranh kiên quyết, kiên trì bằng hệ thống giải pháp toàn diện và đồng bộ; phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng từ gốc. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thực sự tiên phong, gương mẫu trong đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Tăng cường và lãnh đạo chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát. Kiểm tra, giám sát có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm; hoàn thiện và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ban, ngành có liên quan và kết hợp chặt chẽ với Thanh tra nhà nước, Thanh tra nhân dân trong công tác kiểm tra của Đảng; xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên sai phạm. Chủ động kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước và việc chấp hành Điều lệ Đảng để phát hiện kịp thời và khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm khi mới có dấu hiệu. Củng cố, tăng cường Ủy ban kiểm tra các cấp, nâng cao phẩm chất và trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra, nhất là cấp cơ sở. Phát huy vai trò giám sát của xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; định kỳ phân tích, tổng hợp các vi phạm nội cộng có tính phổ biến để tham mưu cho cấp ủy tập trung chỉ đạo chỉnh đốn kịp thời.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thực sự khoa học, luôn gắn bó với nhân dân; phát huy dân chủ và giữ gìn kỷ cương trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội; nội bộ thực sự đoàn kết, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới.

IV- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

1- Vận dụng cơ chế, chính sách để khai thác mọi nguồn lực tập trung cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, gắn kế hoạch với quy hoạch.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư để tạo bước đột phá trong phát triển sản xuất công nghiệp; tập trung thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Phát triển công nghiệp đi đôi với phát triển đô thị, dịch vụ và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Công nghiệp phát triển theo hướng tập trung đầu tư công nghệ hiện đại, các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường, các sản phẩm từ nguyên liệu mía đường, cao su, bột mì...

Nâng cao chất lượng quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch ngành, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Công bố rộng rãi các chiến lược và quy hoạch để các thành phần kinh tế tự quyết định lựa chọn đầu tư kinh doanh. Quy định rõ trách nhiệm thực hiện quy hoạch và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Hướng phát triển các vùng là:

- Các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ. Tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.

- Các huyện Hòa Thành, Thị xã phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, làng nghề tiểu thủ công nghiệp.

- Các huyện Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến.

Chú trọng nâng cao chất lượng lập và quản lý thực hiện theo quy hoạch; quản lý kiến trúc bảo đảm xây dựng và phát triển đô thị trật tự, kỷ cương, văn minh, hiện đại. Trên cơ sở quy hoạch, có chính sách, kế hoạch điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ cấu lao động trong từng ngành, từng vùng nhằm phát huy lợi thế so sánh. Các ngành, các cấp có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển sản xuất và kinh doanh theo đúng quy hoạch.

Tiếp tục chuyển đổi, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Phát triển phương tiện vận tải đời mới, kiên quyết loại bỏ phương tiện quá hạn; nâng cao chất lượng và độ an toàn vận tải; tăng cường các biện pháp an toàn giao thông. Hình thành và phát triển các tuyến xe buýt công cộng nội tỉnh; phát triển vận tải hàng hóa phục vụ các khu, cụm công nghiệp và nhà máy sản xuất chế biến.

2- Cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh việc huy động vốn, tăng nhanh nguồn vốn đầu tư toàn xã hội; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm mạnh tỷ trọng nông nghiệp nhưng tăng giá trị sản xuất.

Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan Trung ương để tranh thủ sự tư vấn, hỗ trợ. Chủ động liên kết, hợp tác kinh tế, nhất là hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để thu hút đầu tư và phát triển sự phân công, liên kết vùng.

Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, nhất quán để doanh nghiệp và dân cư mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh lâu dài. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư, thu mua nông sản cho nông dân, nhất là các nông sản

chính như mía, mì, điều... Rà soát, ban hành, công bố rộng rãi các chủ trương, chính sách về ưu đãi đối với các ngành, các sản phẩm cần ưu tiên hoặc khuyến khích phát triển. Xây dựng các chương trình trợ giúp doanh nghiệp tiếp cận về thị trường, vốn, tín dụng, đất đai, công nghệ, ngành nghề, thông tin và các chế độ ưu đãi hiện hành của Nhà nước.

Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, nhất là các chương trình trọng điểm. Nâng cao năng lực dự báo về cung cầu, giá cả; phân công thực hiện vai trò đầu mối cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý thị trường, đấu tranh chống các hành vi gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các doanh nghiệp.

Tổ chức tốt việc đền bù giải phóng mặt bằng; nghiên cứu và ban hành chính sách huy động sự đóng góp của những người được trực tiếp hưởng lợi từ công trình mới xây dựng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hoá nguồn vốn đầu tư, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Tăng cường quản lý đất đai đi đôi với phát triển thêm quỹ đất công, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, đa dạng hóa các hình thức tạo ra nguồn vốn từ quỹ đất để đầu tư phát triển.

Nâng cao hiệu quả và chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư. Đầu tư có trọng điểm, dự án bố trí vốn phải có trong qui hoạch, kế hoạch được duyệt và bố trí đủ vốn để thực hiện, ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh, không bố trí cho các dự án chưa đầy đủ các thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thực hiện các giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, công bố rộng rãi danh mục kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2006 - 2010. Chú trọng công tác đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề cho khu vực đầu tư nước ngoài.

Tranh thủ nguồn tài trợ của Chính phủ và của các tổ chức phi Chính phủ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài trợ. Đẩy nhanh việc giải ngân và sử dụng có hiệu quả vốn ODA. Kiểm soát nguồn vốn vay - trả nợ.

Mở rộng mạng lưới hoạt động của các tổ chức tín dụng, tăng cường công tác huy động vốn và đầu tư tín dụng cho nền kinh tế địa phương. Cung ứng các dịch vụ tiện ích ngân hàng hiện đại, thuận lợi và thông thoáng đến doanh nghiệp và dân cư.

3- Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống xã hội.

Hoạt động khoa học - công nghệ phải tập trung cho nghiên cứu ứng dụng, các đề tài có tác động tích cực đến nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, đến phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại

hóa các sản phẩm công nghệ, xây dựng các doanh nghiệp khoa học - công nghệ, từng bước xây dựng và phát triển thị trường khoa học - công nghệ.

Có chế độ ưu đãi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình khoa học và hoạt động sáng tạo. Khuyến khích các hoạt động tư vấn, dịch vụ cung ứng công nghệ mới và chuyên gia công nghệ. Phát triển quan hệ hợp tác, hợp đồng giữa doanh nghiệp sản xuất với các cơ quan chức năng để nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Đẩy mạnh việc khai thác và ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng website của tỉnh; khuyến khích các cơ quan, doanh nghiệp thiết lập và đưa website lên mạng.

4- Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội; đẩy mạnh công tác xã hội hóa trên các lĩnh vực và tăng cường đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao thể chất, chăm sóc sức khỏe của nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế và giữ ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục - thể thao. Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đóng góp của các thành phần kinh tế, của nhân dân cho phát triển văn hóa - xã hội.

Thực hiện chương trình phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Điều chỉnh và thực hiện tốt chính sách thu hút nhân tài; đổi mới và tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tập trung đào tạo cán bộ chuyên sâu.

Xã hội hóa mạnh mẽ công tác đào tạo, dạy nghề; thực hiện chương trình trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thành lập Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm; đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở dạy nghề để đáp ứng yêu cầu đào tạo về số lượng và chất lượng.

Kiên toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ để tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý tài nguyên, môi trường; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

5- Tiếp tục củng cố thể trận an ninh nhân dân và thể trận quốc phòng toàn dân vững mạnh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tập trung củng cố và hoàn thiện thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tập trung xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, hoàn chỉnh các công trình chiến đấu ở những nơi xung yếu; huy động sức mạnh tổng hợp thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch của tỉnh, nhất là các chương trình về an ninh quốc gia để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên biên giới và trong nội địa.

Thực hiện tốt quy chế phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng. Có kế hoạch cụ thể tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu "4 giảm" của tỉnh. Tăng cường nắm chắc dân, sát cơ sở; phát hiện, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn; phòng ngừa và ngăn chặn xảy ra tội phạm là chính.

Có kế hoạch và bước đi phù hợp trong công tác cải cách tư pháp; đổi mới hoạt động để nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp. Tăng cường việc phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh Campuchia có chung đường biên giới; đẩy mạnh đối ngoại nhân dân. Tiếp tục xây dựng cụm dân cư biên giới, cụm dân cư dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng - an ninh.

6- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò Mặt trận, đoàn thể và nâng cao chất lượng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, cần - kiệm - liêm - chính, chí công vô tư của cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị.

Thực hiện tốt việc tách quản lý hành chính với quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý hoạt động của các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công. Xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động, tổ chức cán bộ và tài chính.

Hoàn thiện cơ chế "một cửa" tạo thuận lợi và giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính; đổi mới tác phong, lề lối làm việc, đề cao trách nhiệm phục vụ nhân dân, kỷ luật công vụ và kỹ năng hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức.

Tiếp tục xác định và công bố, công khai chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước; các quy trình, thủ tục giải quyết công việc đối với người dân, doanh nghiệp. Thường xuyên củng cố bộ máy và tăng cường công tác thống kê, kế hoạch, kiểm toán, thanh tra; thực hành tiết kiệm và chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả hơn.

Triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Rà soát, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ đúng người, đúng việc, đặc biệt là cán bộ chủ chốt ở tất cả các cấp; có biện pháp thay đổi cán bộ ở các vị trí công tác trì trệ.

Mặt trận và các đoàn thể tăng cường việc giám sát hoạt động của chính quyền, thực hiện tốt vai trò phản biện xã hội; hướng dẫn và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Hằng năm, Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường, thị trấn tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

7- Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

Các cấp ủy, cán bộ lãnh đạo của Đảng phải thực sự lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và của nhân dân trong việc giải quyết công việc của Đảng và của xã hội; phải có quy chế làm việc và lãnh đạo, điều hành theo quy chế. Đổi mới cách ra nghị quyết, báo cáo phải ngắn gọn, thiết thực, cụ thể; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hội nghị, giảm hội họp. Tập trung đầu tư mọi mặt cho cơ sở; tăng cường kiểm tra, sơ kết, tổng kết để nhân rộng điển hình tiên tiến, khắc phục khuyết điểm, yếu kém. Phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; thắt chặt mối quan hệ gắn bó với nhân dân; coi trọng và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng; tổ chức tốt việc đánh giá, nhận xét đảng viên hằng năm.

Tiếp tục đổi mới và bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hệ thống các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm ngặt những điều đảng viên không được làm, phải nói và làm theo nghị quyết, giữ gìn kỷ luật phát ngôn; rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức, lối sống.

Hoàn thiện quy trình công tác kiểm tra, giám sát. Bổ sung, sửa đổi các quy chế phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng, cơ quan bảo vệ pháp luật. Xây dựng quy chế tiếp nhận và giải quyết ý kiến của Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân góp ý, phê bình đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Kiện toàn bộ máy, tăng cường cán bộ và điều kiện, phương tiện làm việc cho Ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban Kiểm tra các cấp phải thực hiện đầy đủ thẩm quyền kiểm tra, giám sát do Điều lệ Đảng quy định.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Yêu cầu các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, đảng viên phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội; thống nhất hành động, nói và làm theo nghị quyết một cách năng

động, sáng tạo, cách mạng tiến công. Tổ chức tuyên truyền, học tập nội dung Nghị quyết cho các tầng lớp nhân dân, đưa Nghị quyết Đại hội sớm đi vào cuộc sống.

2- Các cấp, các ngành phải cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch cụ thể, sát hợp với tình hình địa phương, đơn vị mình và tổ chức thực hiện có kết quả. Quá trình thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình và yêu cầu của cuộc sống đặt ra.

3- Các cấp, các ngành và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng bộ chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ở địa phương, đơn vị mình.

*

* *

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân Tây Ninh phát huy truyền thống quê hương trung dũng kiên cường, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội; phấn đấu đưa tỉnh ta tiến kịp với khu vực và cả nước, xứng đáng là tỉnh nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH
LẦN THỨ VIII (NHIỆM KỲ 2005 - 2010)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ VIII tiến hành từ ngày 20 đến ngày 23 tháng 12 năm 2005 tại Thị xã Tây Ninh.

Đại hội có mặt 299/300 đại biểu được triệu tập, đạt 99,67%.

Đại hội đã nghe trình bày Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII; kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII); Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào các dự thảo Văn kiện, dự thảo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng. Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh.

Đại hội đã thảo luận, biểu quyết các vấn đề quan trọng và thống nhất như sau:

1- Thông qua Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII; kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII). Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của đại diện Ban Bí thư, ý kiến thảo luận và biểu quyết của Đại hội để tu chỉnh và ban hành chính thức.

2- Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo văn kiện, dự thảo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII căn cứ vào ý kiến thảo luận và biểu quyết của Đại hội để tu chỉnh và báo cáo Bộ Chính trị.

3- Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII đã bầu Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra. Đại hội cũng đã bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị.

4- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII và các cấp ủy, các tổ chức đảng trong tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ VIII Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

Tây Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2005

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH LẦN THỨ VIII